

Số: 13/2025/CBTT-SBL

Cà Mau, ngày 13 tháng 08 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU**

- Mã chứng khoán: SBL
- Địa chỉ: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02913780781 Fax: 02913780567
- Email: bsgbaclieu@gmail.com Website: biasaigonbaclieu.com

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC bán niên soát xét năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 13/08/2025 tại đường dẫn: biasaigonbaclieu.com

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên soát xét năm 2025
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2025 so với 6 tháng đầu năm 2024 và lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Trịnh Công Vinh**



(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận  
6 tháng đầu năm 2025 so 6 tháng đầu năm  
2024 và lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo  
bị lỗ)

Cà Mau, ngày 13 tháng 08 năm 2025


**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, mã chứng khoán SBL xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 thay đổi từ 10% trở lên so 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024	6T/2025 giảm so cùng kỳ
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	(232.962.341)	254.487.251	(487.449.592)

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm trước giảm 487.449.592 đồng và lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ 232.962.341 đồng, nguyên nhân chính do chi phí thuế đất tăng so với cùng kỳ.

Trân trọng.

Nơi gửi:   
- Như trên  
- Lưu TCKT



**Trịnh Công Vinh**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn  
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số**

6003000028

ngày 22 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 24 tháng 7 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp (trước đây gọi là “Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu”).

**Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh  
Ông Nguyễn Văn Đồi  
Ông Nguyễn Xuân Hải  
Ông Phạm Hồng Minh  
Ông Trần Nguyên Trung

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tấn Phiên  
Bà Dương Thị Thúy Hồng  
Bà Trần Thị Ngọc Diệp

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Công Vinh  
Ông Huỳnh Vạn Đồng

Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Lô B5, Khu Công nghiệp Trà Kha  
Phường Bạc Liêu  
Tỉnh Cà Mau  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

### **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Hồng Hạnh  
Chủ tịch

Tỉnh Cà Mau, ngày 12 tháng 8 năm 2025





Chi nhánh Công ty TNHH KPMG  
Tầng 10, Tòa nhà Sun Wah  
115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-01-00547-25-1



Nguyễn Thủy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2025



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>88.359.944.489</b>	<b>84.278.188.421</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>68.287.285.297</b>	<b>57.738.492.583</b>
Tiền	111		297.285.297	278.492.583
Các khoản tương đương tiền	112		67.990.000.000	57.460.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.600.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	3.600.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.994.255.569</b>	<b>13.032.954.188</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	6.687.679.271	15.938.630.012
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		326.100.897	93.602.237
Phải thu ngắn hạn khác	136		60.646.401	80.892.939
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(3.080.171.000)	(3.080.171.000)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>12.388.096.815</b>	<b>13.357.325.168</b>
Hàng tồn kho	141		12.388.096.815	13.357.325.168
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>90.306.808</b>	<b>149.416.482</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		90.306.808	149.416.482
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>164.376.519.068</b>	<b>172.961.146.693</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>163.660.795.580</b>	<b>171.807.200.677</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	163.660.795.580	171.807.200.677
Nguyên giá	222		491.688.076.742	491.430.816.022
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(328.027.281.162)	(319.623.615.345)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		211.446.165	211.446.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(211.446.165)	(211.446.165)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>715.723.488</b>	<b>1.153.946.016</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	715.723.488	1.153.946.016
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>252.736.463.557</b>	<b>257.239.335.114</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>75.151.212.179</b>	<b>73.215.121.395</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.334.751.411</b>	<b>72.604.647.964</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.407.493.401	4.673.453.801
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	19.355.378.178	24.099.194.752
Phải trả người lao động	314		1.665.648.991	2.210.413.978
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.559.801.103	1.166.511.393
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		144.581.819	138.181.819
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	6.687.928.357	603.574.250
Vay ngắn hạn	320	17	43.497.410.081	39.696.808.490
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	16.509.481	16.509.481
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>816.460.768</b>	<b>610.473.431</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	816.460.768	610.473.431
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>177.585.251.378</b>	<b>184.024.213.719</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>177.585.251.378</b>	<b>184.024.213.719</b>
Vốn cổ phần	411	21	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	27.919.729.439	27.919.729.439
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.545.521.939	35.984.484.280
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		29.778.484.280	34.049.209.469
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		(232.962.341)	1.935.274.811
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>252.736.463.557</b>	<b>257.239.335.114</b>

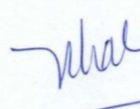
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần BIA Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025**

**Mẫu B 02a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>54.238.197.471</b>	<b>65.626.290.155</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>48.478.788.211</b>	<b>60.177.221.005</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>5.759.409.260</b>	<b>5.449.069.150</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		833.686.130	66.770.464
Chi phí tài chính	22		748.041.280	120.797.682
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		748.041.280	120.797.682
Chi phí bán hàng	25		122.076.183	244.958.516
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.768.771.113	4.673.020.503
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(45.793.186)</b>	<b>477.062.913</b>
Thu nhập khác	31		18.818.182	-
Chi phí khác	32		-	15.349.429
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>18.818.182</b>	<b>(15.349.429)</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(26.975.004)</b>	<b>461.713.484</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>-</b>	<b>431.286.659</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>205.987.337</b>	<b>(224.060.426)</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(232.962.341)</b>	<b>254.487.251</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>30</b>	<b>(19)</b>	<b>21</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(26.975.004)	461.713.484
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.685.483.998	10.480.618.691
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(852.504.312)	(66.770.464)
Chi phí lãi vay	06		748.041.280	120.797.682
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.554.045.962	10.996.359.393
Biến động các khoản phải thu	09		9.038.698.619	11.419.208.584
Biến động hàng tồn kho	10		969.228.353	(2.785.667.239)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(6.013.893.910)	(28.705.234.093)
Biến động chi phí trả trước	12		497.332.202	89.175.898
			13.045.411.226	(8.986.157.457)
Tiền lãi vay đã trả	14		(741.728.388)	(106.755.994)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.178.917.126)	(1.888.185.478)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.924.765.712	(10.981.098.929)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.429.078.901)	(89.730.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		18.818.182	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(3.600.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		833.686.130	66.770.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.176.574.589)	(22.959.536)





**Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>30/6/2024 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	82.834.822.837	122.460.273.252
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79.034.221.246)	(104.846.678.431)
Tiền trả cổ tức	36	-	(5.524.303.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.800.601.591</b>	<b>12.089.291.021</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>10.548.792.714</b>	<b>1.085.232.556</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>57.738.492.583</b>	<b>15.763.500.649</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70      6</b>	<b>68.287.285.297</b>	<b>16.848.733.205</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:  
  
**Trần Thị Thảo**  
*Kế toán Tổng hợp*

Người kiểm tra:  
  
**Trần Thị Chất**  
*Kế toán Trưởng*

Người duyệt:  
  
**Trịnh Công Vinh**  
*Giám đốc*





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 23 tháng 1 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã là SBL.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa liên tỉnh.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 87 nhân viên (1/1/2025: 87 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Năm kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Bìa Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm/kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm/kỳ trước.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Ban Giám đốc đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

**5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	96.026.189	41.589.789
Tiền gửi ngân hàng	201.259.108	236.902.794
Các khoản tương đương tiền (*)	67.990.000.000	57.460.000.000
	<u>68.287.285.297</u>	<u>57.738.492.583</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trong vòng ba tháng và hưởng lãi suất từ 4,4% đến 4,6% một năm (1/1/2025: 4,7% một năm).

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 4,6% một năm (1/1/2025: không).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	1.806.237.510	12.783.020.316
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
Các khách hàng khác	1.801.270.761	75.438.696
	<b>6.687.679.271</b>	<b>15.938.630.012</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2025</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2025</b> <b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	1.806.237.510	12.783.020.316
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	41.814.449	74.838.696

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**9. Dự phòng phải thu khó đòi**

	30/6/2025 và 1/1/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	(3.080.171.000)	-

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Hàng tồn kho**

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.872.270.526	-	3.304.393.164	-
Công cụ và dụng cụ	3.042.306.821	-	2.871.251.558	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.309.659.668	-	6.737.649.513	-
Thành phẩm	3.163.859.800	-	444.030.933	-
	12.388.096.815	-	13.357.325.168	-



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	112.464.864.105	371.577.677.636	5.998.968.590	1.389.305.691	491.430.816.022
Tăng trong kỳ	-	539.078.901	-	-	539.078.901
Thanh lý	-	(281.818.181)	-	-	(281.818.181)
Số dư cuối kỳ	112.464.864.105	371.834.938.356	5.998.968.590	1.389.305.691	491.688.076.742
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	52.854.208.421	259.999.471.684	5.469.494.327	1.300.440.913	319.623.615.345
Khấu hao trong kỳ	2.300.039.568	6.284.813.018	79.847.088	20.784.324	8.685.483.998
Thanh lý	-	(281.818.181)	-	-	(281.818.181)
Số dư cuối kỳ	55.154.247.989	266.002.466.521	5.549.341.415	1.321.225.237	328.027.281.162
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	59.610.655.684	111.578.205.952	529.474.263	88.864.778	171.807.200.677
Số dư cuối kỳ	57.310.616.116	105.832.471.835	449.627.175	68.080.454	163.660.795.580

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 108.901 triệu VND (1/1/2025: 108.780 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 132.184 triệu VND (1/1/2025: 138.473 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí sửa chữa VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	722.662.686	431.283.330	1.153.946.016
Phân bổ trong kỳ	(329.805.858)	(108.416.670)	(438.222.528)
Số dư cuối kỳ	392.856.828	322.866.660	715.723.488

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	-	1.354.176.000
Công ty TNHH Chế biến lương thực Trường Thắng	482.565.000	491.979.200
Công ty TNHH Công nghệ Nồi hơi Phú Hưng	329.958.312	314.911.532
Công ty TNHH Camic Việt Nam	52.030.000	204.187.500
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	106.143.272
Các nhà cung cấp khác	542.940.089	2.202.056.297
	<b>1.407.493.401</b>	<b>4.673.453.801</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co	-	202.834.800
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	106.143.272
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	-	1.354.176.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ Cần trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	19.582.356.576	52.979.176.788	(62.104.075.572)	10.457.457.792
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.178.917.126	-	(1.178.917.126)	-
Thuế giá trị gia tăng	3.182.958.696	10.605.970.827	(6.413.685.746)	7.375.243.777
Thuế thu nhập cá nhân	147.283.954	236.527.530	(369.898.568)	13.912.916
Thuế tài nguyên	7.678.400	38.747.520	(37.166.960)	9.258.960
Các loại thuế khác	-	1.874.420.787	(374.916.054)	1.499.504.733
	24.099.194.752	65.734.843.452	(70.478.660.026)	19.355.378.178

**15. Chi phí phải trả**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí điện	119.071.572	170.699.816
Chi phí lãi vay	33.950.909	27.638.017
Chi phí khác	1.406.778.622	968.173.560
	1.559.801.103	1.166.511.393

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức	6.045.468.000	39.468.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.000.000	210.000.000
Phải trả khác	432.460.357	354.106.250
	6.687.928.357	603.574.250



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2025</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/6/2025</b>
	<b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND</b>
Vay ngắn hạn	39.696.808.490	82.834.822.837	(79.034.221.246)	43.497.410.081

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>30/6/2025 VND</b>	<b>1/1/2025 VND</b>
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh 4	VND	4,1%	43.497.410.081	39.696.808.490

Khoản vay từ Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh 4 được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 132.184 triệu VND (1/1/2025: 138.473 triệu VND) (Thuyết minh 11).



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	16.509.481	261.508.032
Phân bổ trong kỳ (Thuyết minh 20)	200.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	(200.000.000)	-
Điều chỉnh (Thuyết minh 20)	-	(244.998.551)
Số dư cuối kỳ	16.509.481	16.509.481

**19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Thuế suất	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Thay đổi khấu hao tài sản cố định	20%	816.460.768	610.473.431



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	39.565.212.367	187.604.941.806
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	254.487.251	254.487.251
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(6.006.000.000)	(6.006.000.000)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	244.998.551	244.998.551
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	244.998.551	244.998.551
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	34.303.696.720	182.343.426.159
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.680.787.560	1.680.787.560
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	35.984.484.280	184.024.213.719
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(232.962.341)	(232.962.341)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(6.006.000.000)	(6.006.000.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	29.545.521.939	177.585.251.378



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2025 và 1/1/2025</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**22. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết nghị chia cổ tức cho các cổ đông trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>			
	<b>30/6/2025</b>		<b>30/6/2024</b>	
	<b>Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá</b>	<b>VND</b>	<b>Tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá</b>	<b>VND</b>
Cổ tức đã công bố trong kỳ	5%	6.006.000.000	5%	6.006.000.000

**23. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2025</b>	<b>1/1/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.748.327.643	476.708.749
Từ hai đến năm năm	5.933.628.161	1.906.834.997
Sau năm năm	14.108.934.643	14.347.289.017
	<b>21.790.890.447</b>	<b>16.730.832.763</b>

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	50.638.427.982	62.856.142.896
▪ Cung cấp dịch vụ	892.310.559	975.883.364
▪ Doanh thu khác	2.707.458.930	1.794.263.895
	<b>54.238.197.471</b>	<b>65.626.290.155</b>

**26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	47.969.168.217	59.940.718.209
▪ Dịch vụ đã cung cấp	509.619.994	236.502.796
	<b>48.478.788.211</b>	<b>60.177.221.005</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	2.077.433.349	2.810.618.857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.719.920.799	711.575.254
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.287.602	11.152.155
Chi phí quản lý khác	963.129.363	1.139.674.237
	<b>5.768.771.113</b>	<b>4.673.020.503</b>

**28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	29.820.390.895	40.772.393.424
Chi phí nhân công và nhân viên	8.565.163.208	10.049.949.600
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.685.483.998	10.480.618.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.620.697.819	2.970.280.046
Chi phí khác	2.969.738.609	3.650.375.989

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	-	431.286.659
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	205.987.337	(224.060.426)
	<b>205.987.337</b>	<b>207.226.233</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2025</b>	<b>30/6/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(26.975.004)	461.713.484
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(5.395.001)	92.342.697
Chi phí không được khấu trừ thuế	88.433.255	114.883.536
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	122.949.083	-
	<b>205.987.337</b>	<b>207.226.233</b>

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	<b>30/6/2025</b>		<b>1/1/2025</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>
Lỗ tính thuế	614.745.415	122.949.083	-	-

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm 2030.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(232.962.341)	254.487.251

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.

**(iii) (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(19)	21



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND</b>	<b>30/6/2024 VND</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	50.638.427.982	62.856.142.896
Mua nguyên vật liệu	18.629.678.646	28.085.254.621
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây</b>		
Cổ tức đã trả	-	1.201.200.000
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	749.088.225	831.031.975
Chi phí sử dụng vỏ chai	141.688.797	158.690.241
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Bạc Liêu</b>		
Mua dịch vụ	122.000.639	111.444.774
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua dịch vụ	24.000.000	125.000.000
<b>Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya – Việt Nam</b>		
Bán phế liệu	18.343.500	17.355.500
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao và thưởng</i>		
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	158.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	90.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải – Thành viên	90.000.000	60.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	90.000.000	60.000.000
Ông Trần Nguyễn Trung – Thành viên	92.000.000	60.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và phúc lợi	690.245.412	935.408.610
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<i>Thù lao và thưởng</i>		
Ông Nguyễn Tấn Phiền – Trưởng ban	52.000.000	48.000.000
Bà Dương Thị Thúy Hồng – Thành viên	27.000.000	24.000.000
Bà Trần Thị Ngọc Diệp – Thành viên	27.000.000	24.000.000



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 32. Chi phí đã trả và phải trả cho kiểm toán viên

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí soát xét thông tin tài chính	63.000.000	60.000.000

### 33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

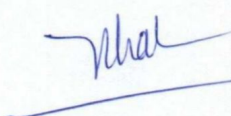
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc